



BẢN TIN THAN NGÀY

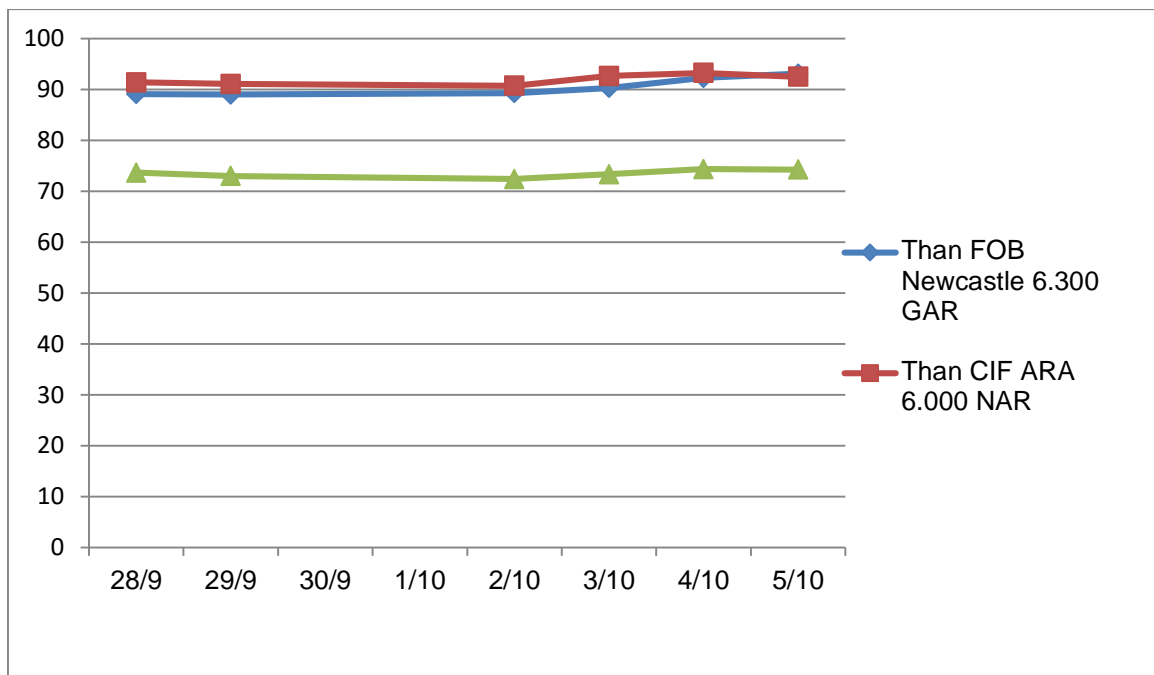
Ngày 06/10/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	93,10	+0,80	97,60	+0,80
CIF ARA 6.000 NAR	92,50	-0,75	92,20	-0,80
FOB Richards Bay 5.500 NAR	74,25	-0,10	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	66,25	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/10/2017)

ĐIỂM TIN

Thị trường than nhiệt Châu Á ảm đạm trong khi giá than Indonesia tăng

Thị trường than nhiệt Châu Á khá ảm đạm do Trung Quốc và Hàn Quốc đang trong kì nghỉ lễ dài, còn Ấn Độ thì đang chờ đợi những dấu hiệu tích cực về giá. Theo một nguồn tin từ Indonesia cho biết những người mua hàng Ấn Độ hiện đang trì hoãn việc mua bán và theo dõi thị trường, nguồn tin nhận định thêm giá than Indonesia hiện đã chạm mức đỉnh và sẽ sớm có sự thay đổi – chính điều này đã khiến những người mua hàng Ấn Độ ngần ngại tham gia thị trường cho đến khi giá ổn định trở lại.

Được biết, chuyến hàng than nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR giao hàng vào cuối tháng 10, được chào với giá 46,5 USD/tấn, theo điều kiện FOB. Trong khi đó, giá chào cho than Indonesia nhiệt trị 4.900 kcal/kg GAR giao trong tháng 10 ở mức 67,50 USD/tấn, theo điều kiện FOB, giao trên tàu có cầu. Một yêu cầu khác cho chuyến hàng được vận chuyển bằng tàu Supramax cho than nhiệt trị 4.800 kcal/kg với 0.7% lưu huỳnh thì ở mức 66 USD/tấn, theo điều kiện FOB. Hiện nay, nhu cầu mua than Nam Phi nhiệt trị trung bình đang cao hơn than Indonesia, tuy nhiên nguồn cung ở Nam Phi vẫn còn khan hiếm. Theo một nguồn tin, một lô hàng than Nam Phi nhiệt trị 4.800 kcal/kg NAR giao trong nửa đầu tháng Mười Một đã được giao dịch thành công với giá giảm 16,5 USD/tấn so với giá than có nhiệt trị 6.000 kcal/kg ở mức 90 USD/tấn, theo điều kiện FOB. Được biết, giá chào bán cho than Nam Phi nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR cũng giảm 10-10,5 USD/tấn, theo điều kiện FOB.

Các chuyến hàng từ cảng Newcastle bị trì hoãn bởi tuyến đường sắt Ulan gặp sự cố

Theo thông tin hôm thứ Tư, một số chuyến hàng than nhiệt từ cảng Newcastle có thể bị trì hoãn sau sự kiện đóng cửa tuyến đường sắt Ulan - nơi vận chuyển của hàng loạt mỏ than ở phía Tây bang New South Wales của Úc. Các tuyến xe lửa trên tuyến đường sắt Ulan đã bị hoãn vào ngày thứ Tư cho việc kiểm tra kỹ thuật trên một cây cầu đường sắt. Điều này khiến sáu chuyến tàu than bị mắc kẹt ở phía Tây của cây cầu. Những mỏ có kết nối với tuyến đường sắt Ulan, gồm có Glencore với mỏ khai thác lộ thiên Mangoola và mỏ khai thác phức hợp của Ulan, mỏ Wilpinjong của Peabody Energy và mỏ Moolarben của Yancoal Australia.

Một nhánh của tuyến đường sắt Ulan kết nối đến mạng lưới các mỏ tại Hunter Valley nhằm phục vụ việc xuất khẩu than tại Muswellbrook - phía đầu mỏ than Hunter Valley. Australian Rail Track Corporation (ARTC), nhà khai thác mạng lưới đường sắt Hunter Valley đã được liên lạc để lấy ý kiến, nhưng hiện chưa có câu trả lời. Đây là lần thứ hai kể từ tháng Tám, các hoạt động đường sắt đã bị trì hoãn trên tuyến Ulan đối với mỏ than phía Tây. Theo phát ngôn viên của ARTC, vào giữa tháng Tám, các chuyến tàu trên tuyến đường sắt Ulan đã bị ngưng từ ngày 9 đến 13/8 sau khi các kỹ sư kiểm tra thường xuyên và phát hiện ra một khuyết tật về cấu trúc của một cây cầu đường sắt ở Muswellbrook. Việc sửa chữa được thực hiện từ thứ Tư đến Chủ Nhật và cầu sẽ mở cửa lại vào tối Chủ Nhật.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,65		+ 0,35
	Queensland	Nhật Bản	11,15		+ 0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	11,50		+ 0,35
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,10		+ 0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,60		+ 0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,50		+ 0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,40		+ 0,10
	Úc	Trung Quốc	11,80		+ 0,50
	Úc	Ấn Độ	13,35		+ 0,35

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/10/2017)